

Số: 40A/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 17 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T T H

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1101/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ **Anh Phạm Quang H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B L, xã T B, thành phố H, tỉnh T T H.

+ **Chị Nguyễn Thị Hoài T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 7/16 Đ H T, phường P V, thành phố H, tỉnh T T H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/01/2024, các bên đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về con chung, tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang H và chị Nguyễn Thị Hoài T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh H và chị T công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quang T, sinh ngày 12/4/2011. Hiện nay cháu Quang T đang ở với anh H. Nay

thuận tình ly hôn, theo nguyện vọng của cháu Quang T và theo thỏa thuận của anh H và chị Thu là giao cháu Quang T cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Anh Phạm Quang H và chị Nguyễn Thị Hoài T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Anh Phạm Quang H và chị Nguyễn Thị Hoài T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Quang H và chị Nguyễn Thị Hoài T mỗi bên phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Anh H và chị T đã nộp đủ 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001491 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H nên được khấu trừ, khỏi phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Ủy ban nhân dân xã Thủy Bằng, tp Huế (số 63, đăng ký ngày 08/12/2010);
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H;
- Lưu Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú Loan